

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2019

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hoạt;

2. Bà Đoàn Thị Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Xuân Trà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Dinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, xét xử công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019-QĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cà Thị B, sinh năm 1980;

(Chị B vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc V, sinh năm 1977; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thôn K, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Cà Thị B trình bày:*

Chị kết hôn với anh Phạm Ngọc V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã B, tỉnh Bắc Kạn (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) vào ngày 29/3/2004. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, chị phải đi làm xa nhà, trong thời gian chị đi làm xa, vợ chồng không tin tưởng nhau nên dẫn đến mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống.

Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên kiên quyết xin được ly hôn với anh Phạm Ngọc V.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Phạm Thị L, sinh ngày 15/02/2005 và Phạm Quang V1, sinh ngày 02/3/2007, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn ý kiến của chị là các con chung có nguyện vọng ở với ai thì giao cho người đó trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi. Nếu cả hai con chung đều muốn ở với chị thì chị sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung và chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu cả hai con chung đều muốn ở với anh Phạm Ngọc V thì anh V sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung và chị sẽ cấp dưỡng nuôi một con chung tên là Phạm Thị L, sinh ngày 15/02/2005 định kỳ mỗi tháng là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Vợ chồng anh V, chị B không nợ ai và không cho ai nợ.

** Bị đơn anh Phạm Ngọc V vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như tại Biên bản hòa giải anh V trình bày:*

Về thời điểm kết hôn đúng như chị B trình bày, tuy nhiên sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc không có gì mâu thuẫn lớn, nhưng đến tháng 3/2018 chị B bỏ nhà đi làm xa. Đến khoảng cuối tháng 8 năm 2018 chị B mới về nhà hai vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Nay chị B xin ly hôn anh không nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung tên là Phạm Thị L, sinh ngày 15/02/2005 và Phạm Quang V1, sinh ngày 02/3/2007. Nếu phải ly hôn thì anh V nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 (một) con chung tên Phạm Quang V1, còn 01 con chung tên là Phạm Thị L thì do cháu L quyết định. Trường hợp cả 02 con chung quyết định ở cùng với anh V và do anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục thì chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 (một) con chung tên là Phạm Thị L đến khi đủ 18 tuổi.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2018 tại Trường trung học cơ sở H và Biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, cháu Phạm Thị L và cháu Phạm Quang V1 là con chung của nguyên đơn chị Cà Thị B và bị đơn anh Phạm Ngọc V có ý kiến: Hiện nay hai cháu đang sống cùng bố là Phạm Ngọc V tại tổ K, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu Phạm Thị L và cháu Phạm Quang V có nguyện vọng là được ở với bố vì bố luôn quan tâm, chăm sóc các cháu từ trước đến nay. Đồng thời, các cháu ở với bố thì có nhà ở ổn định, được đi học tại Trường trung học cơ sở H, nơi các cháu đã quen trường, quen lớp. Ngược lại,

hiện nay mẹ đang đi làm xa nên chưa có chỗ ở ổn định, khó khăn cho các cháu trong việc sinh sống và học tập.

- Về mức cấp dưỡng: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2018, anh V yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi 01 con chung tên là Phạm Thị L với số tiền mỗi tháng là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Nhưng tại phiên hòa giải ngày 10/12/2018 chị B có ý kiến sẽ cấp dưỡng để nuôi 01 (một) con chung tên Phạm Thị L với số tiền mỗi tháng là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh V có ý kiến là tùy vào sự tự nguyện của chị B và anh không có yêu cầu gì thêm. Còn đối với 01 con chung tên Phạm Quang V1, sinh ngày 02/3/2007 thì anh V không yêu cầu nên chị B không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đúng như chị B trình bày.

Tại phiên tòa, anh Phạm Ngọc V vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp thêm chứng cứ nào khác và không có văn bản trình bày gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị B về việc xin ly hôn; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao hai con chung tên là Phạm Thị L, sinh ngày 15/02/2005 và Phạm Quang V1, sinh ngày 02/3/2007 cho anh Phạm Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Cà Thị B sẽ cấp dưỡng để nuôi 01 (một) con chung tên Phạm Thị L với số tiền là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*)/tháng; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét; Về án phí: Chị Cà Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định để sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Cà Thị B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Giấy triệu tập tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa cho các đương sự. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cả nguyên đơn chị Cà Thị B, bị đơn anh Phạm Ngọc V đều có mặt. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh V, chị B đoàn tụ nhưng không thành. Chị Cà Thị B có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Phạm Ngọc V, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Chị Cà Thị B và anh Phạm Ngọc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã B (nay là phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) vào ngày 29/3/2004. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của chị B và anh V là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng về sau, tình cảm vợ chồng không còn, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, đánh, chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên anh V và chị B đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân, cuộc sống vợ chồng giữa chị B và anh V tại địa phương. Kết quả xác minh cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh Phạm Ngọc V và chị Cà Thị B thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do tình cảm vợ chồng không còn, kinh tế gia đình còn khó khăn nên chị B phải đi làm xa, trong thời gian chị B đi làm xa nhà, vợ chồng không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn càng trầm trọng hơn kể từ tháng 9/2018 đến nay, khi chị B về nhà hai bên đã xảy ra xô xát, đánh, chửi nhau. Sự việc đã được Tổ hòa giải cơ sở tiến hành hòa giải và lập Biên bản sự việc. Sau đó chị B lại đi khỏi địa phương đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin được ly hôn với anh Phạm Ngọc V.

Mặc dù bị đơn anh Phạm Ngọc V không thừa nhận giữa hai vợ chồng có sự mâu thuẫn trầm trọng, chị B yêu cầu xin ly hôn, anh V không nhất trí ly hôn, nhưng anh V không có chứng cứ, cũng như những trình bày nào khác để chứng minh cho ý kiến của mình là đúng.

Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Cà Thị B với anh Phạm Ngọc V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy anh V không thừa nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhưng hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là có thật, đã được thể hiện tại các biên bản lấy lời khai, các biên bản xác minh tại địa phương và tại các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ mà Tòa án đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Thực tế, từ tháng 9 năm 2018 đến nay, vợ chồng anh V chị B đã sống ly thân, trong thời gian ly thân cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị B đi đâu, ở đâu và làm gì không trao đổi, bàn bạc và

cũng không báo cho anh V biết. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần động viên chị B về đoàn tụ với chồng nhưng chị B không về, kiên quyết ly hôn với anh V. Điều đó chứng tỏ: hiện nay tình trạng hôn nhân giữa anh V, chị B không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Việc chị B xin ly hôn với anh V là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh Phạm Ngọc V và chị Cà Thị B có 02 (hai) con chung tên là Phạm Thị L, sinh ngày 15/02/2005 và Phạm Quang V1, sinh ngày 02/3/2007, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi anh V, chị B ly hôn, cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở cùng anh V. Ý kiến của anh V và chị B đều nhất trí là giao hai con chung cho anh Phạm Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi để đảm bảo tốt nhất cho quyền, lợi ích và sự phát triển của các con chung. Anh V có sức khỏe và có khả năng lao động bình thường để nuôi sống bản thân và hai con chung. Còn chị B hiện đi làm xa, chưa có nhà ở và công việc, thu nhập không ổn định nên khó có khả năng đảm bảo tốt cho các con chung. Do đó, giao hai con chung cho anh Phạm Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cà Thị B tự nhận sẽ cấp dưỡng để nuôi 01 (một) con chung tên Phạm Thị L, sinh ngày 15/02/2005 với mức cấp dưỡng định kỳ là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh V có ý kiến là tùy vào sự tự nguyện của chị B và anh không có yêu cầu gì thêm. Xét ý kiến của hai bên đương sự là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Cà Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị B đối với anh Phạm Ngọc V. Chị Cà Thị B được ly hôn với anh Phạm Ngọc V.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên là Phạm Thị L, sinh ngày 15/02/2005 và Phạm Quang V1, sinh ngày 02/3/2007 cho anh Phạm Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của hai con chung).

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Chị Cà Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên là Phạm Thị L sinh ngày 15/02/2005, định kỳ mỗi tháng là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) đến khi cháu L đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị B, anh V không nợ ai và không cho ai nợ.

5. Về án phí: Chị Cà Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 05296 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Chị B còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Cà Thị B và anh Phạm Ngọc V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND tp. Bắc Kạn (02b);
- Chi cục THADS tp. Bắc Kạn
(01b, khi Án có hiệu lực);
- Các đương sự (01b);
- UBND phường H, tp B (01b);
- Lưu.

Tạ Văn Tư